

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HSST
Ngày 29-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng
Thẩm phán: Ông Võ Đình Nghị
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Chu Văn Khuông
2. Ông Bùi Quang Tùng
3. Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hanh; Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2018/TLST-HS ngày 09-02-2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HS ngày 14-3-2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn V**, sinh ngày 20-3-1985 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT số H, phường s, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; Nơi cư trú không nơi ở nhất định; Nghề nghiệp không; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo Không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1950; con bà Lê Thị M, sinh năm 1957, hiện cư trú thôn PĐ, xã TD, huyện TH, tỉnh TH; Vợ Vũ Thị N, sinh năm 1987; có 01 con sinh năm 2013, hiện đều cư trú tổ m, NH, phường m, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28-4-2017, hiện đang bị tạm giam, trại giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Nguyễn Phương Đại Nghĩa, Văn phòng Luật sư Nguyễn Phương Đại Nghĩa, Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Trịnh Tôn Q, sinh năm 1970, Nơi cư trú Khu H, xã NH, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1954, Nơi cư trú Số 53 N, tổ h, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.
3. Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1991, Nơi cư trú Số 30 L, thị trấn KĐ, huyện PS, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.
4. Chị Nguyễn Bích N, sinh năm 1972, anh Lê Văn T, sinh năm 1963. Nơi cư trú Số 226 thôn HH, xã GR, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
5. Chị Dương Thị L, sinh năm 1962, Nơi cư trú Số 282, tổ dân phố CG, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
6. Anh Trần Khiêm M, sinh năm 1961, Nơi cư trú Khu phố SH, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
7. Ông Dương Quang S, sinh năm 1959, Nơi cư trú Khu phố TT, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
8. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1970, anh Hà Phước T, sinh năm 1969, Nơi cư trú Số 180/6 XS, xã XT, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
9. Chị Đinh Thị T, sinh năm 1965, Nơi cư trú Số 162 L, thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.
10. Anh Hồ H, sinh năm 1966, Nơi cư trú Thôn BT, xã PS, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
11. Chị Lý Thị T, sinh năm 1973, Nơi cư trú Số 20 T, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
12. Chị Phạm Thị Hải H, sinh năm 1975, Nơi cư trú Thôn b, xã ML, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
13. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960, Nơi cư trú Số 109 Khu phố QĐ, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
14. Anh Nguyễn Sĩ L, sinh 1970, Nơi cư trú Thôn QT, xã GL, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
15. Anh Trần Quang T, sinh năm 1971, Nơi cư trú Khu TV, thị trấn NB, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.
16. Ông Võ Thành Vinh, sinh năm 1958, Nơi cư trú số 7 L, phường b, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; có bà Võ Thị Kim Q, sinh năm 1973 đại diện. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo V thiếu nợ nhiều người không có khả năng trả nợ, đồng thời bị cáo biết được có một số người có nhu cầu xin cho con em vào làm việc, đi học

ngành Công an và một số ngành khác, nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của những người này bằng cách tự giới thiệu rằng bị cáo “*có khả năng xin vào làm việc tại ngành Công an tỉnh Lâm Đồng hoặc đi học tại các trường trong ngành Công an nhân dân và xin làm việc tại một số ngành khác*”. Do vậy từ năm 2015 đến khoảng giữa năm 2017, bị cáo sử dụng số tài khoản 5406205037394 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh Đà Lạt (*sau đây viết tắt Agribank chi nhánh Đà Lạt*), thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của các bị hại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân với tổng số tiền 3.355.000.000đ, cụ thể như sau:

1. Bị hại anh Trịnh Tôn Q: Do đã quen biết với bị hại anh Q, bị cáo biết bị hại muốn xin cho cháu ruột là Trịnh Sơn T, đã tốt nghiệp Đại học Ngân hàng vào công tác tại Công an tỉnh Lâm Đồng, nên bị cáo tự giới thiệu với bị hại có các mối quan hệ và có khả năng xin cho cháu T vào công tác tại Phòng Cảnh sát kinh tế, Công an tỉnh Lâm Đồng với giá là 300.000.000đ, đưa trước số tiền 200.000.000đ; khi nào có Quyết định nhận công tác sẽ đưa nốt số tiền còn lại. Do tin bị cáo, nên bị hại đồng ý và làm hồ sơ đưa cho V.

Đến giữa tháng 02-2016, bị hại đưa cho bị cáo số tiền 110.000.000đ tại nhà bị cáo, sau đó bị cáo nói với bị hại rằng khoảng hai đến ba tháng sẽ xin được việc cho cháu T. Đến ngày 02-03-2016, bị hại nộp vào tài khoản của bị cáo số tiền 90.000.000đ, sau đó bị cáo tiếp tục hứa hẹn sẽ xin được việc cho cháu T.

Do bị hại nhiều lần điện thoại hỏi bị cáo, đến ngày 28-03-2016, bị cáo hẹn gặp bị hại tại khách sạn Hải Sơn (*thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng*), sau đó bị cáo viết giấy tay nhận của bị hại số tiền 200.000.000đ, được ghi rõ lý do “*xin việc cho cháu T vào công tác tại Phòng Cảnh sát kinh tế, Công an tỉnh Lâm Đồng*”. Tuy nhiên, thời gian quá lâu, bị hại yêu cầu trả lại tiền, bị cáo viết lại giấy tay vay tiền, hẹn đến ngày 17-10-2016 sẽ trả tiền, sau đó bị cáo trả lại cho bị hại số tiền 50.000.000đ; sau đó bị hại tố cáo đến cơ quan Công an. Như vậy, bị cáo chiếm đoạt của bị hại anh Q số tiền 200.000.000đ.

Đối với số tiền 20.000.000đ bị cáo vay của bị hại số tiền là quan hệ dân sự, không đề cập đến trong vụ án này;

2. Bị hại chị Trần Thị C: Bị cáo mua đất đồi điện nhà bị hại, nên quen biết với bị hại. Bị cáo tự giới thiệu mình “*đang công tác tại Công an tỉnh Lâm Đồng, có nhiều mối quan hệ có thể xin cho người khác vào công tác tại Công an tỉnh Lâm Đồng*”; trong khi bị hại có cháu là Nguyễn Quốc H đã tốt nghiệp đại học, có nhu cầu xin vào làm việc tại Công an tỉnh Lâm Đồng, nên bị hại nói bị cáo xin cho cháu H vào làm tại Phòng Cảnh sát môi trường, Công an tỉnh Lâm Đồng; bị cáo đồng ý và đưa ra giá là 250.000.000đ, đưa trước số tiền 150.000.000đ, khi nào có Quyết định nhận công tác sẽ đưa số tiền còn lại. Do bị hại tin là thật, đến ngày 03-04-2016 bị cáo đến nhà bị hại nhận số tiền 150.000.000đ, sau đó, bị cáo viết giấy tay “*xin việc cho cháu H vào công tác*

tại Phòng Cảnh sát Môi trường, Công an tỉnh Lâm Đồng”, hẹn trong tháng 5-2016 sẽ có Quyết định nhận công tác, sau đó bị cáo đưa cháu Huy đi khám sức khỏe tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng. Do quá thời gian hẹn nhưng không thấy cháu H nhận công tác, bị hại đòi lại tiền thì bị cáo hứa hẹn, nên bị hại tìm hiểu bị cáo không công tác tại Công an tỉnh Lâm Đồng, không có khả năng xin việc nên bị hại tố cáo đến cơ quan Công an. Như vậy, bị cáo chiếm đoạt của bị hại chị C số tiền 150.000.000đ.

Đối với số tiền 410.000.000đ bị cáo vay của bị hại chưa trả là quan hệ dân sự; bị hại rút nội dung tố cáo liên quan đến số tiền này nên không đề cập đến trong vụ án này.

3. Bị hại anh Nguyễn Đức D: Bị cáo quen biết bị hại thông qua anh C là bạn học cùng quê với bị cáo, bị hại đã liên lạc với bị cáo và được tự giới thiệu hiện bị cáo đang công tác tại Công an tỉnh Lâm Đồng, chắc chắn sẽ xin được cho bị hại vào làm việc tại Bệnh xá Công an tỉnh Lâm Đồng với số tiền lo xin việc 220.000.000đ. Do bị hại tin là thật và đến ngày 11-09-2016, bị hại đến thành phố Đà Lạt và được bị cáo đưa bị hại về nhà mình số F32 A, phường b, thành phố ĐL; bị cáo tiếp tục tự nhận công tác tại Công an tỉnh Lâm Đồng và nói rằng Bệnh xá Công an tỉnh Lâm Đồng đang thiếu một suất; nếu đồng ý sẽ xin cho bị hại vào làm, đồng thời bị cáo yêu cầu bị hại đưa trước số tiền 120.000.000đ, khi nào có Quyết định nhận công tác sẽ đưa số tiền còn lại. Do vậy, bị cáo ba lần chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo với số tiền 220.000.000đ. Tuy nhiên, do quá thời gian hẹn không thấy có Quyết định nhận công tác, nên bị hại điện thoại hỏi nhiều lần nhưng bị cáo chỉ hứa hẹn; đến tháng 03-2017, bị hại tiếp tục điện thoại cho bị cáo đòi lại tiền nhưng bị cáo chỉ hứa trả và sau đó tắt điện thoại không liên lạc được. Khi biết bị cáo bị bắt về hành vi lừa đảo, bị hại đơn tố cáo đến cơ quan Công an. Như vậy bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền 220.000.000đ.

4. Bị hại chị Nguyễn Bích N: Qua sự giới thiệu của chị T ở thị trấn Di Linh, bị cáo có khả năng xin đi học tại các trường trong ngành Công an nhân dân, trong khi đó bị hại có ý định muốn xin cho con gái là Lê Thị Tuấn A đi học ngành Công an, nên bị hại xin chị N số điện thoại của bị cáo để liên lạc.

Khi bị hại liên lạc điện thoại, bị cáo giới thiệu làm ở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng, có thể xin được vào học tại trường đại học An ninh nhân dân giá là 350.000.000đ; học tại trường Trung cấp An ninh nhân dân giá là 250.000.000đ; số tiền đưa trước 150.000.000đ. Do bị hại tin là thật nên đồng ý, bị cáo yêu cầu bị hại đưa cháu Tuấn A đến Công an tỉnh Lâm Đồng, mang theo học bạ để khám bổ sung ngày 04-04-2016, nên bị hại đưa cháu Tuấn A đến công Công an tỉnh Lâm Đồng để gặp bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo nói đoàn tuyển sinh của Công an tỉnh đang đi khám ở huyện Đơn Dương, nên bị cáo đưa bị hại về nhà bị cáo số 48/11 HT, phường s, thành phố ĐL để nghỉ ngơi; tại đây bị hại đưa cho bị cáo số tiền 150.000.000đ, được bị cáo viết giấy tay ghi rõ lý do nhận tiền “để lo cho cháu Tuấn A đi học tại trường Trung cấp

An ninh nhân dân”; sau đó bị cáo tiếp tục yêu cầu và bị hại đưa số tiền 80.000.000đ cho bị cáo. Do không thấy cháu Tuấn A có giấy báo nhập học, nên bị hại nhiều lần điện thoại hỏi thì bị cáo nói là gặp nhiều khó khăn không xin được, nên bị hại đòi lại tiền thì bị cáo hứa hẹn, sau đó bị cáo trả cho bị hại số tiền 30.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của cháu Tuấn A. Khi biết bị cáo có hành vi lừa đảo, nên bị hại tố cáo đến cơ quan Công an. Như vậy, bị cáo chiếm đoạt của bị hại chị N số tiền 230.000.000đ.

5. *Bị hại chị Dương Thị L*: Đầu tháng 11-2016, bị hại được anh ruột mình (*anh Dương Quang S*) giới thiệu, nên bị hại tin bị cáo đang công tác tại Công an tỉnh Lâm Đồng và có khả năng xin làm việc tại Công an tỉnh Lâm Đồng; được vào học tại các trường Công an nhân dân; trong khi đó, bị hại muốn xin cho con trai là Trịnh Dương Duy B vào học tại trường Công an nhân dân. Do vậy, bị hại đã nhờ anh S liên lạc với bị cáo đặt vấn đề xin cho cháu B đi học; bị cáo đồng ý và ra giá tiền xin một suất đi học tại trường Đại học Cảnh sát nhân dân là 400.000.000đ; học tại trường Đại học An ninh nhân dân là 350.000.000đ. Do bị hại tin là thật, nên bị hại nhờ bị cáo xin cho cháu B đi học tại trường Đại học An ninh nhân dân; sau đó bị cáo cho số tài khoản của bị cáo, yêu cầu bị hại chuyển tiền ứng trước 02 lần cộng chung 250.000.000đ.

Đến ngày 01-01-2017, bị cáo hẹn bị hại đến nhà anh S để nhận hồ sơ; yêu cầu bị hại đưa tiếp số tiền 50.000.000đ, sau đó bị cáo viết giấy tay nhận số tiền 300.000.000đ, ghi rõ lý do “*nhận tiền là để xin cho con trai chị L vào học tại trường Đại học An ninh nhân dân*”. Đến ngày 07-03-2017 theo yêu cầu của bị cáo, bị hại tiếp tục chuyển vào tài khoản của V số tiền là 50.000.000đ. Đến cuối tháng 4-2017, bị hại biết bị cáo bị bắt về hành vi lừa đảo nên tố cáo đến cơ quan Công an. Như vậy, bị cáo chiếm đoạt của bị hại chị L số tiền 350.000.000đ.

6. *Bị hại anh Trần Khiêm M*: Vào năm 2016, bị hại muốn xin con trai là Trần Đức N đang thực hiện nghĩa vụ trong lực lượng Công an đi học tại trường Trung cấp An ninh nhân dân, nên khi nghe bị cáo giới thiệu có các mối quan hệ có thể lo cho con trai anh M vào học tại trường Trung cấp An ninh nhân dân, chắc chắn sẽ đậu với giá là 300.000.000đ; đưa trước một $\frac{1}{2}$ để đặt cọc, khi nào có Quyết định đi học sẽ đưa số tiền còn lại. Do bị hại tin là thật nên đồng ý, đến ngày 24-7-2016, bị hại đến nhà bị cáo số F32 AS, phường b, thành phố ĐL đưa cho bị cáo số tiền 130.000.000đ, sau đó bị cáo viết giấy tay ghi rõ “*nhận tiền là lo cho cháu N đi học tại trường Trung cấp An ninh nhân dân*”, hẹn đến tháng 8-2016 cháu Nghĩa sẽ nhập học. Tuy nhiên, sau thời gian hẹn không thấy có giấy báo nhập học, bị hại nhiều lần liên lạc với bị cáo đòi lại tiền thì bị cáo trả cho bị hại số tiền 40.000.000đ. Khi biết bị cáo bị bắt về hành vi lừa đảo nên tố cáo đến cơ quan Công an. Như vậy, bị cáo chiếm đoạt của bị hại anh Minh số tiền 130.000.000đ. Nay bị hại không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 90.000.000đ.

7. *Bị hại anh Dương Quang S:* Do có con trai là Dương Quang A đã tốt nghiệp Đại học chưa xin được việc làm, thông qua mối quan hệ quen biết với anh M (*cũng là bị hại nêu trên*) quen biết với bị cáo, nên bị hại nhờ anh M liên lạc với bị cáo hỏi trường hợp con anh Sơn xin vào trong ngành Công an; bị cáo sẽ xin được cho con anh S vào công tác tại Sở phòng cháy, chữa cháy tỉnh Lâm Đồng với giá 350.000.000đ. Do bị hại tin là thật nên đồng ý, bị hại đã đưa cho anh M số tiền 200.000.000đ để đưa cho V, sau đó anh M đưa cho bị cáo số tiền 100.000.000đ vào ngày 17-10-2016, được bị cáo viết giấy tay ghi rõ lý do “*nhận tiền để lo cho cháu Ánh vào công tác tại Sở phòng cháy, chữa cháy tỉnh Lâm Đồng*”. Khi bị hại gặp bị cáo để trao đổi về việc xin việc cho cháu A, bị cáo nói với bị hại không thể xin được cho cháu A vào công tác tại Sở phòng cháy, chữa cháy tỉnh Lâm Đồng; có thể xin vào công tác tại Sở phòng cháy, chữa cháy thành phố Hồ Chí Minh; phải đưa thêm cho bị cáo số tiền là 70.000.000đ. Tin là thật, nên bị hại đồng ý, ngày 19-4-2017, bị hại chuyển vào tài khoản của bị cáo số tiền 70.000.000đ. Khi biết bị cáo bị bắt về hành vi lừa đảo, bị hại tố cáo đến cơ quan Công an. Như vậy, bị cáo chiếm đoạt của bị hại anh S số tiền 170.000.000đ;

8. *Bị hại chị Nguyễn Thị T:* Cuối tháng 3-2016, thông qua anh Q là bạn của chồng mình (*anh Q cũng là bị hại*), nên khi anh Q đưa bị cáo đến nhà bị hại, bị cáo tự giới thiệu có khả năng lo cho xin vào công tác trong ngành Công an và vào học tại các trường Công an nhân dân, nếu xin vào biên chế giá là 200.000.000đ; xin đi học tại trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân thì giá là 350.000.000đ. Do muốn xin cho con đi học và tin là thật, nên bị hại đã nhờ bị cáo xin cho cháu Thực đi học, thỏa thuận đưa trước 200.000.000đ khi nào có Quyết định đi học sẽ đưa số tiền còn lại. Đến ngày 02-4-2016, tại nhà của bị cáo số 48/11 HT, phường s, thành phố ĐL, bị hại đưa cho bị cáo số tiền 200.000.000đ; sau đó bị cáo viết giấy tay ghi rõ lý do “*nhận tiền để xin cho cháu T đi học trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân*”. Sau đó, bị cáo tiếp tục yêu cầu bị hại đưa thêm tiền để xin việc cho cháu T, nên ngày 27-04-2017 bị hại đưa cho bị cáo số tiền 50.000.000đ; ngày 08-8-2016 bị hại tiếp tục đưa cho bị cáo số tiền 50.000.000đ. Do không thấy bị cáo thực hiện như đã hứa, nhiều lần bị hại điện thoại cho bị cáo để đòi lại tiền nhưng bị cáo không nghe máy, nên tố cáo Vĩ đến cơ quan Công an. Như vậy, bị cáo chiếm đoạt của bị hại chị T số tiền là 300.000.000đ.

9. *Bị hại chị Đinh Thị T:* Thông qua chị T ở thị trấn DL, huyện DL, bị cáo biết số điện thoại của bị hại, sau đó biết bị hại có nhu cầu xin cho con trai là Trần Xuân T vào công tác tại Công an tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo điện thoại cho bị hại tự giới thiệu hiện đang công tác tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng, có nhiều mối quan hệ có thể xin cho con chị T vào làm lái xe trong Công an tỉnh Lâm Đồng. Do bị hại tin là thật nên đồng ý, hẹn gặp bị cáo nhà của mình vào ngày 28-4-2016 thỏa thuận về việc lo việc cho con bị hại cháu T vào lái xe trong Công an tỉnh Lâm Đồng với giá 250.000.000đ, sau đó bị hại

đưa trước số tiền 100.000.000đ, khi nào có Quyết định nhận công tác sẽ đưa số tiền còn lại. Tuy nhiên, do bị hại không có đủ tiền, nên bị hại chỉ đưa cho bị cáo số tiền 50.000.000đ, sau đó bị cáo viết giấy tay ghi rõ lý do “*xin cho cháu T vào công tác tại Công an tỉnh Lâm Đồng*”. Bị cáo hẹn khi nào đưa hồ sơ xin việc cho bị hại phải đưa tiếp số tiền 150.000.000đ. Đến ngày 12-5-2016, bị cáo mang hồ sơ xin việc đến nhà bị hại và nhận số tiền 100.000.000đ, tiếp tục viết tiếp tờ giấy tay ngày 28-4-2016; hứa hẹn đến hết tháng 7-2016 cháu T sẽ có Quyết định đi làm. Tuy nhiên, thời gian hẹn đã lâu nhưng không thấy bị cáo thực hiện như đã hứa, nên bị hại điện thoại yêu cầu bị cáo trả lại tiền, sau đó bị cáo đã trả cho bị hại 03 lần cộng chung 80.000.000đ. Sau khi biết V bị bắt về hành vi lừa đảo, bị hại tố cáo Vĩ đến cơ quan công an. Như vậy, bị cáo chiếm đoạt của bị hại chị T số tiền 150.000.000đ.

10. *Bị hại anh Hồ H*: Vào tháng 8-2016, thông qua người quen giới thiệu bị cáo có thể xin việc được cho con gái anh H tên Hồ Vũ Trâm U về dạy tại các trường trên địa bàn huyện LH, nên bị hại điện thoại và hẹn gặp tại nhà bị cáo số 48/11 HT, phường s, thành phố ĐL. Qua trao đổi, bị cáo đồng ý xin cho cháu U đi dạy ở huyện LH với giá là 120.000.000đ; đưa trước 30.000.000đ. Tin là thật, bị hại đưa cho V số tiền 30.000.000đ; sau 05 ngày, bị cáo hẹn gặp bị hại tại khu phố QĐ, thị trấn ĐV, huyện LH và yêu cầu bị hại đưa tiếp số tiền 40.000.000đ, sau đó bị cáo viết giấy tay ghi tiêu đề “*giấy vay nợ*” ghi ngày 24-8-2016 với số tiền 70.000.000đ; cam kết đến ngày 29-09-2016 sẽ lo xong việc cho cháu U đi dạy ở huyện LH. Do không thấy bị cáo thực hiện như đã hứa, nên bị hại điện thoại hỏi thì bị cáo nói tiếp tục đợi vì hồ sơ gặp trục trặc. Đến ngày 27-10-2016, bị cáo đến nhà bị hại yêu cầu đưa thêm 50.000.000đ để lo hoàn tất hồ sơ và sẽ có Quyết định trong 1, 2 ngày nữa. Tiếp tục tin là thật, bị hại đã đưa cho bị cáo số tiền 50.000.000đ được bị cáo xác nhận vào phía dưới giấy vay nợ nêu trên. Khi bị hại điện thoại thì bị cáo chỉ nói đợi do chưa biết phân về trường nào. Đến ngày 12-4-2017, bị cáo điện thoại cho bị hại hỏi mượn số tiền 20.000.000đ, khi nào lo xong việc cho cháu U thì sẽ trả lại tiền, sau đó bị hại đã chuyển vào tài khoản của bị cáo số tiền 20.000.000đ. Tuy số tiền 20.000.000đ bị cáo hỏi vay nhưng thời gian này bị cáo đang bỏ trốn và cần tiền tiêu xài, nên đã nói dối bị hại mượn tiền để lo việc gia đình nhưng thực chất nhằm chiếm đoạt. Sau khi biết bị cáo bị bắt về hành vi lừa đảo, bị hại tố cáo đến cơ quan Công an. Như vậy bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại anh H số tiền 140.000.000đ.

11. *Chị Lý Thị T*: Cuối năm 2015, chị Đ là chị gái của bị hại dẫn bị cáo đến nhà mình, bị cáo tự giới thiệu hiện đang công tác tại Phòng Tổ chức Công an tỉnh Lâm Đồng có thể xin cho cháu Đỗ Văn N đang thực hiện nghĩa vụ tại Công an huyện Đức Trọng vào học tại trường trung cấp An ninh nhân dân với giá là 300.000.000đ, đưa trước 200.000.000đ; khi nào có Quyết định đi học sẽ đưa số tiền còn lại. Tin là thật bị hại chị T đồng ý, bị cáo còn hứa sẽ rút hồ sơ và đưa cháu N lên Công an tỉnh Lâm Đồng để thuận tiện cho việc ôn thi. Đến

ngày 24-01-2016, bị cáo đến nhà bị hại yêu cầu đưa cho số tiền 200.000.000đ nhưng bị hại đưa cho bị cáo số tiền 150.000.000đ, sau đó bị cáo viết giấy tay ghi rõ lý do “*nhận tiền là để lo cho cháu Nhớ vào học tại trường Trung cấp An ninh nhân dân*”. Đến ngày 18-02-2016, bị cáo tiếp tục đến nhà bị hại yêu cầu đưa thêm 50.000.000đ, bị cáo tiếp tục hứa sẽ lo được cho cháu N đi học. Không thấy bị cáo thực hiện như đã hứa nên bị hại điện thoại hỏi và yêu cầu bị cáo trả lại tiền nhưng bị cáo lấy nhiều lý do không trả lại tiền. Khi biết bị cáo bị bắt về hành vi lừa đảo, bị hại tố cáo đến cơ quan Công an. Như vậy bị cáo chiếm đoạt của bị hại chị T số tiền 200.000.000đ;

12. *Chị Phạm Thị Hải H*: Năm 2016, bị hại có con gái tên Trần Thị Thanh T đăng kí dự thi đại học vào trường Đại học Cảnh sát nhân dân nhưng không đậu, nên vào đầu tháng 9-2016, thông qua một người bạn giới thiệu về bị cáo có thể lo vào học tại các trường Công an nhân dân, trong khi bị hại đang muốn xin cho cháu T vào học tại các trường Công an nhân dân, nên bị hại điện thoại hẹn gặp bị cáo tại quán Cà phê NN, thành phố ĐL. Quá trình trao đổi, bị cáo tự giới thiệu có nhiều mối quan hệ có thể lo cho con gái bị hại vào học tại trường Trung cấp An ninh nhân dân thông qua việc phúc khảo điểm với giá là 300.000.000đ, đưa trước 200.000.000đ khi nào có Quyết định nhập học sẽ đưa số tiền còn lại. Tin là thật, ngày 06-09-2016, vợ chồng bị hại đến nhà bị cáo địa chỉ số F32 AS, phường b, thành phố ĐL đưa cho bị cáo số tiền 200.000.000đ, sau đó bị cáo viết giấy tay ghi rõ lý do “*nhận tiền là lo cho cháu T đi học tại trường Trung cấp An ninh nhân dân*”, đồng thời hứa đến ngày 20-10-2016 cháu T sẽ vào nhập học tại trường Trung cấp An ninh nhân dân; bị cáo còn hướng dẫn làm đơn xin phúc khảo và bảng điểm để đưa cho bị cáo. Đến ngày 01-10-2016, bị cáo tiếp tục yêu cầu bị hại đưa số tiền 80.000.000đ nhưng bị hại đưa cho bị cáo số tiền 50.000.000đ và cũng được viết biên nhận. Đến ngày 03-10-2016, bị cáo lấy lý do đang ở Sài Gòn cần tiền để lo việc cho cháu T đi học, yêu cầu gửi tiền nên bị hại chuyển vào tài khoản của bị cáo số tiền 30.000.000đ, sau đó bị cáo tiếp tục hứa đến trước ngày 20-10-2016 cháu T sẽ có quyết định đi học. Tuy nhiên quá thời gian hẹn đã lâu, bị hại điện thoại yêu cầu V trả lại tiền nhưng bị cáo không nghe máy mà chỉ nhắn tin hứa hẹn trả nhưng không trả. Như vậy bị cáo chiếm đoạt của bị hại chị H số tiền là 280.000.000đ.

13. *Bị hại anh Nguyễn Văn N*: Đầu tháng 9-2016, thông qua một người bạn giới thiệu có quen biết bị cáo nói bị cáo có thể xin việc được cho con trai anh N, nên bị hại đến nhà bị cáo số F32 AS, phường b, thành phố ĐL. Tại đây bị cáo giới thiệu có nhiều mối quan hệ với lãnh đạo Công an tỉnh Lâm Đồng, có thể xin cho con bị hại vào công tác tại Sở phòng cháy, chữa cháy tỉnh Lâm Đồng với giá 300.000.000đ, đưa trước 150.000.000đ, khi nào có Quyết định nhận công tác sẽ đưa số tiền còn lại. Để bị hại tin, bị cáo đưa cho bị hại bộ hồ sơ xin việc và hướng dẫn cháu C đi khám sức khỏe tại Trung tâm y tế thành phố ĐL; hoàn chỉnh hồ sơ xin việc gửi lên cho bị cáo. Ngày 14-09-2016, bị hại

đưa cho bị cáo số tiền 150.000.000đ, sau đó bị cáo viết giấy tay ghi rõ lý do “*nhận tiền để xin việc cho cháu C*” đồng thời hẹn đến tháng 10-2016 sẽ có Quyết định nhận công tác. Đến ngày 19-10-2016, bị cáo lấy lý do phải về quê xác minh lý lịch của cháu C và ra lấy quyết định nhận công tác, yêu cầu bị hại đưa thêm số tiền 60.000.000đ, tin tưởng bị cáo, nên bị hại tiếp tục đưa cho bị cáo số tiền 60.000.000đ tại nhà bị hại, sau đó bị cáo viết giấy tay nhận tiền. Quá thời gian hẹn nhưng không thấy bị cáo thực hiện như đã hứa, bị hại điện thoại cho bị cáo nhiều lần thì bị cáo nói gặp nhiều khó khăn nên chưa xin được cho cháu C. Đến tháng 3-2017, bị hại điện thoại cho bị cáo yêu cầu trả lại tiền thì bị cáo chỉ hứa hẹn nhưng không trả lại tiền. Khi biết bị cáo bị bắt về hành vi lừa đảo thì bị hại tố cáo đến cơ quan Công an. Như vậy bị cáo chiếm đoạt của bị hại anh N số tiền 210.000.000đ.

14. *Bị hại anh Nguyễn Sĩ L*: Đầu tháng 06-2016, thông qua chị C (cùng bị hại trong vụ án này); bị cáo tự giới thiệu có thể xin cho người vào làm trong ngành Công an và đặt vấn đề với bị hại nếu ai có nhu cầu xin cho con em vào ngành Công an thì giới thiệu bị cáo xin cho. Do bị hại có người cháu tên Kiên muốn xin vào làm tại Sở phòng cháy, chữa cháy tỉnh Lâm Đồng, nên bị hại nhờ bị cáo thì bị cáo yêu cầu chi phí là 240.000.000đ; đưa trước ½ khi nào có Quyết định nhận công tác sẽ đưa số tiền còn lại. Đến ngày 06-7-2016, bị hại hẹn và đến nhà bị cáo đưa số tiền 120.000.000đ; bị cáo viết giấy tay và ghi rõ lý do “*nhận tiền để lo xin việc cho cháu K*”, sau đó bị cáo cam kết đến tháng 8-2016 cháu K sẽ có Quyết định đi làm tại Sở phòng cháy, chữa cháy tỉnh Lâm Đồng. Qua thời gian hẹn không thấy cháu K có quyết định đi làm, không thấy bị cáo trả lại tiền, nên bị hại tố cáo đến cơ quan Công an.

Cũng trong thời gian này, ngày 19-7-2016, bị hại gặp bị cáo đặt vấn đề nhờ xin cho cháu Lê Tấn Đ vào học tại trường Trung cấp An ninh nhân dân; bị cáo đồng ý và đưa ra chi phí là 280.000.000đ đưa trước ½, khi nào có Quyết định nhập học sẽ đưa số tiền còn lại. Bị hại anh đồng ý và nhận của gia đình cháu Đ số tiền 140.000.000đ, sau đó đưa toàn bộ số tiền này cho bị cáo và được bị cáo viết giấy tay ghi rõ mục đích nhận tiền. Do không thấy cháu Đ có quyết định đi học như đã hứa, bị cáo không trả lại tiền, nên bị hại đã phải trả cho gia đình cháu Đ số tiền 140.000.000đ.

Ngoài ra, ngày 01-9-2016, bị hại gặp bị cáo đặt vấn đề xin cho cháu của anh tên B vào làm tại Sân bay Liên Khương, tỉnh Lâm Đồng, bị cáo đồng ý và đưa ra chi phí là 150.000.000đ đưa trước ½ khi nào có Quyết định đi làm sẽ đưa số tiền còn lại. Bị hại đưa cho bị cáo số tiền 75.000.000đ được bị cáo viết giấy tay và hẹn đến tháng 10-2016 cháu Ba sẽ có Quyết định đi làm. Tuy nhiên, bị cáo không thực hiện như đã hứa, bị hại nhiều lần đòi lại tiền thì bị cáo trả lại cho bị hại số tiền 75.000.000đ. Như vậy bị cáo chiếm đoạt của bị hại anh L số tiền 260.000.000đ.

15. *Bị hại anh Trần Quang T*: Qua một người bạn giới thiệu bị cáo có khả năng xin cho con gái mình đi học tại các trường Công an nhân dân, nên bị

hại liên lạc và đến gặp bị cáo số 48/11 HT, phường s, thành phố ĐL. Bị cáo nói với bị hại rằng có nhiều mối quan hệ, hứa sẽ lo cho con bị hại thi đậu vào trường Trung cấp An ninh nhân dân với giá là 350.000.000đ. Đến ngày 01-3-2016, bị cáo điện thoại cho bị hại, tin là thật, bị hại đưa cho bị cáo số tiền 100.000.000đ được bị cáo viết tay ghi rõ lý do nhận tiền. Bị cáo tiếp tục nói với bị hại rằng phải đi thành phố Hồ Chí Minh để lo việc cho cháu D; yêu cầu bị hại đưa cho bị cáo số tiền 100.000.000đ. Do tin là thật, ngày 19-3-2016 bị hại tiếp tục đưa cho bị cáo số tiền 60.000.000đ, được bị cáo viết tiếp vào giấy tay ghi lần trước. Không thấy cháu D được đi học như bị cáo nói, bị hại điện thoại cho V nhiều lần đề đòi lại tiền nhưng bị cáo chỉ hứa hẹn mà không trả. Khi biết bị cáo bị bắt về hành vi lừa đảo, bị hại tố cáo V đến cơ quan Công an. Như vậy bị cáo chiếm đoạt của bị hại anh T số tiền 160.000.000đ.

16. Bị hại anh Võ Thành V: Do quen biết với bị hại, bị cáo biết bị hại muốn xin cho cháu là Nguyễn Xuân T sắp tốt nghiệp trường Cao đẳng sư phạm ĐL vào dạy tại các trường ở thành phố ĐL cho gần nhà. Vào khoảng cuối năm 2015, bị cáo nói với bị hại rằng bị cáo có nhiều mối quan hệ, có thể xin được việc cho cháu T về dạy tại các trường ở ĐL. Tin lời là thật, bị hại đồng ý, bị cáo yêu cầu về tiền để lo xin việc cho cháu T là 130.000.000đ; đưa trước 30.000.000đ, khi có quyết định tốt nghiệp sẽ đưa tiếp 50.000.000đ; khi có quyết định đi làm sẽ đưa số tiền còn lại.

Đến ngày 28-10-2015, bị hại đưa cho bị cáo số tiền 30.000.000đ tại nhà bị cáo số 48/11 HT, thành phố ĐL, được bị cáo viết giấy tay ghi rõ lý do “*nhận tiền xin việc làm cho cháu T*”. Sau khi cháu Toàn tốt nghiệp, bị cáo đến nhà bị hại lấy thêm 50.000.000đ, bị cáo viết tiếp vào giấy tay lần trước, đồng thời hẹn tháng 9-2016 cháu T sẽ có quyết định dạy học tại trường QT thành phố ĐL.

Đến ngày 02-9-2016, bị cáo tiếp tục đến nhà bị hại cam đoan chắc chắn đến ngày 10-9-2016 cháu T sẽ có quyết định đi dạy tại trường QT; yêu cầu bị hại đưa số tiền 50.000.000đ để đưa cho người ta. Do tin là thật, bị hại tiếp tục đưa cho bị cáo số tiền 50.000.000đ được bị cáo tiếp tục viết vào giấy tay lần trước. Đến hết tháng 11-2016, không thấy cháu T có quyết định đi làm, nên bị hại liên lạc với bị cáo để hỏi thì bị cáo nói có chút khó khăn nên chưa xin được và hứa hẹn trả dần nhưng không trả. Sau đó biết bị cáo bị bắt về hành vi lừa đảo, nên bị hại tố cáo đến cơ quan Công an. Như vậy bị cáo chiếm đoạt của bị hại anh V số tiền 130.000.000đ.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, đã thu giữ: 01 chứng minh nhân dân số 251139899, cấp ngày 03-11-2014, tên bị cáo V (*Bản chính*); 01 Thẻ nhân viên tên bị cáo, Sở Văn hóa -Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng, Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng (*Bản chính*); 01 Thẻ sinh viên ghi tên bị cáo mã số sinh viên 10BK260; Trường Đại học Hồng Đức (*Bản chính*); 01 Thẻ chức danh tên bị cáo Giám đốc lữ hành, Công ty TNHH Đức Việt, số điện thoại: 0964.125.999; địa chỉ công ty 62/3A đường số 30, Phường 6, Quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh (*Bản chính*); 01 thẻ ATM do Ngân hàng

Techcombank phát hành (số thẻ A221-4986-7179-2431; tên chủ thẻ Nguyễn Văn V); 01 thẻ ATM do Ngân hàng Viettinbank phát hành (số thẻ 5200-3290-0005-0104; tên chủ thẻ Nguyễn Văn V); 01 thẻ ATM do Ngân hàng Agribank phát hành (số thẻ 9704-0507-2900-5608; tên chủ thẻ Nguyễn Văn V; số dư trong tài khoản này 12.968.125đ, có văn bản tạm dừng giao dịch về tài khoản này); 01 biên lai vắn tin Tài khoản Ngân hàng Phương Đông (Bản chính); 01 Điện thoại di động hiện SamSung A5 (kèm sim số 0979.191.456; sim số: 0937.805.905); 01 Điện thoại di động màu đen (kèm sim số 0964.125.999).

Đối với các tài liệu hồ sơ xin việc, các bị hại đưa cho bị cáo nhưng bị cáo đã vứt bỏ hết nên không thu giữ được.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại cùng yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền như sau: ông Q yêu cầu trả lại số tiền 150.000.000đ; bà C yêu cầu trả lại số tiền 150.000.000đ; ông D yêu cầu trả lại số tiền 220.000.000đ; bà N yêu cầu trả lại số tiền 200.000.000đ; bà L yêu cầu trả lại số tiền 350.000.000đ; ông M yêu cầu trả lại số tiền 90.000.000đ; ông S yêu cầu trả lại số tiền 170.000.000đ; bà T yêu cầu trả lại số tiền 300.000.000đ; bà T yêu cầu trả lại số tiền 70.00.000đ; ông H yêu cầu trả lại số tiền 140.000.000đ; bà T yêu cầu trả lại số tiền 200.000.000đ; bà H yêu cầu trả lại số tiền 280.000.000đ; ông N yêu cầu trả lại số tiền 210.000.000đ; ông Linh yêu cầu trả lại số tiền 260.000.000đ; ông T yêu cầu trả lại số tiền 160.000.000đ; ông V yêu cầu trả lại số tiền 130.000.000đ.

- Đối với hành vi của ông Q, bà T đều không biết về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo V, đều là bị hại nên không đề cập đến trách nhiệm hình sự.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra còn có các ông D, bà N, ông T, bà Hoài T, bà T cũng có đơn tố cáo bị cáo V đã có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của họ. Tuy nhiên, đến nay các ông, bà nêu trên đều đã rút đơn tố cáo, nên không có xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo V trong vụ án này.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS-P2 ngày 08-02-2018 truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 1999).

Tại phiên tòa hôm nay; đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng; đề nghị tuyên bố bị cáo V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 2015); xử phạt bị cáo V từ 14 năm đến 16 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho các bị hại yêu cầu bồi thường; riêng bị hại ông M tự nguyện không yêu cầu bồi thường số tiền chiếm đoạt 90.000.000đ, nên không buộc bị cáo bồi thường.

Về vật chứng: Đề nghị xử lý về vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo khai khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại bản cáo trạng; đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thông nhất tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo; nguyên nhân phạm tội là do bị cáo nắm được tâm lý các bậc làm cha, mẹ lo công việc, học hành cho con mình, nên bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên, về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã khắc phục và hoàn trả lại từng bị hại hết khả năng trước khi bị khởi tố số tiền 275.000.000đ/3.355.000.000đ; bị hại bà Thương có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bố bị cáo (*ông O*) có thành tích công hiến, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương; nên đề nghị áp dụng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từng bị hại có mặt khai như bản cáo trạng mô tả nêu trên, bị hại bà T có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đối với bị hại ông Minh tự nguyện không yêu cầu bồi thường số tiền chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại bà C, ông T, bà T vắng mặt, trong đó bị hại bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; quá trình điều tra, đã làm rõ số tiền bị cáo chiếm đoạt, bị hại đã trình bày yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2015 đến đầu năm 2017, bị cáo V thực hiện các hành vi gian dối, tự cho mình có khả năng xin việc vào ngành Công an; ngành Giáo dục; ngành Hàng không; xin đi học các Trường của ngành Công an, nhằm chiếm đoạt tài sản của 16 bị hại với tổng số tiền 3.355.000.000đ. Đối chiếu lời khai bị cáo, lời khai của bị hại; người liên quan, vật chứng thu giữ, có đủ căn cứ để tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo V là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, ngoài việc xâm phạm đến tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ; hành vi của bị cáo gây còn gây ảnh hưởng uy tín, danh sự của cán bộ công chức, viên chức phải “*chạy chọt, lo lót, tiêu cực*” khi xin việc làm, đi học, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Số tiền bị cáo chiếm đoạt là đặc biệt lớn, bị cáo thực hiện hành vi nhiều lần, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 1999 để quyết định mức án nghiêm khắc, cách

ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như bị cáo “*thành khẩn khai báo*” quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; sau khi chiếm đoạt, bị hại đòi lại tiền và bị cáo đã hoàn trả một phần cho từng bị hại (*ông Q 50.000.000đ/200.000.000đ; ông M 40.000.000đ/130.000.000đ; bà Tg 80.000.000đ/150.000.000đ; ông L 75.000.000đ/335.000.000đ; bà N 30.000.000đ/230.000.000đ*) và hiện bị cáo không còn tài sản, nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát, Luật sư bào chữa đề nghị áp dụng tính tiết giảm nhẹ quy định điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 là không đúng, Bởi lẽ điểm x khoản 1 Điều 51 quy định tính tiết giảm nhẹ đối với “*người phạm tội là “người có công với cách mạng” hoặc “người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ”*”, nên bố bị cáo (*ông O*) là thương binh, có thành tích công hiến, được nhà nước tặng thưởng Huân chương, chỉ được áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị hại T đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cũng được áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại ông M tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 90.000.000đ, nên không buộc bị cáo bồi thường.

Các bị hại khác cùng yêu cầu bị cáo bồi thường cụ thể ông Q yêu cầu bồi thường số tiền 150.000.000đ; bà C yêu cầu bồi thường số tiền 150.000.000đ; ông D yêu cầu bồi thường số tiền 220.000.000đ; bà N yêu cầu bồi thường số tiền 200.000.000đ; bà L yêu cầu bồi thường số tiền 350.000.000đ; ông S yêu cầu bồi thường số tiền 170.000.000đ; bà T yêu cầu bồi thường số tiền 300.000.000đ; bà T yêu cầu bồi thường số tiền 70.00.000đ; ông H yêu cầu bồi thường số tiền 140.000.000đ; bà T yêu cầu bồi thường số tiền 200.000.000đ; bà H yêu cầu bồi thường số tiền 280.000.000đ; ông N yêu cầu bồi thường số tiền 210.000.000đ; ông Linh yêu cầu bồi thường số tiền 260.000.000đ; ông T yêu cầu bồi thường số tiền 160.000.000đ; ông V yêu cầu bồi thường số tiền 130.000.000đ. Xét yêu cầu của các bị hại là phù hợp, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo V có trách nhiệm bồi thường cho từng bị hại số tiền nêu trên.

- Đối với số tiền 20.000.000đ bị cáo V vay của bị hại ông Q chưa trả; số tiền 410.000.000đ bị cáo V vay của bị hại bà C chưa trả là quan hệ dân sự “*vay tài sản*”, nên bị hại ông Q, bị hại bà C thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu bị cáo trả nợ và được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục chung.

[5] Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đối với giấy tờ nhân thân, các thẻ ATM cần trả lại cho bị cáo gồm 01 chứng minh nhân

dân số 251139899, cấp ngày 03-11-2014, tên bị cáo V (*bản chính*); 01 thẻ ATM do Ngân hàng Techcombank phát hành (*số thẻ A221-4986-7179-2431; tên chủ thẻ Nguyễn Văn V*); 01 thẻ ATM do Ngân hàng Viettinbank phát hành (*số thẻ 5200-3290-0005-0104; tên chủ thẻ Nguyễn Văn V*); 01 thẻ ATM do Ngân hàng Agribank phát hành (*số thẻ 9704-0507-2900-5608; tên chủ thẻ Nguyễn Văn V; số dư trong tài khoản này 12.968.125đ, có văn bản tạm dừng giao dịch về tài khoản này*);

- Các tài liệu không còn giá trị sử dụng cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án gồm 01 Thẻ nhân viên tên bị cáo, Sở Văn hóa -Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng, Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng (*bản chính*); 01 Thẻ sinh viên ghi tên bị cáo mã số sinh viên 10BK260; Trường Đại học Hồng Đức (*bản chính*); 01 Thẻ chức danh tên bị cáo V Giám đốc lữ hành, Công ty TNHH Đức Việt, số điện thoại 0964.125.999 (*bản chính*); 01 biên lai vắn tin Tài khoản Ngân hàng Phương Đông (*bản chính*);

- Đối với 01 Điện thoại di động hiện SamSung A5 (*kèm sim số 0979.191.456; sim số: 0937.805.905*); 01 Điện thoại di động màu đen (*kèm sim số 0964.125.999*) tịch thu sung quỹ nhà nước;

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; miễn án phí dân sự cho bị cáo để tạo điều kiện bị cáo bồi thường thiệt hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V **15 (mười lăm)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 28-4-2017.

2. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự; buộc bị cáo Nguyễn Văn V có trách nhiệm bồi thường cho từng bị hại cụ thể:

Ông Trịnh Tôn Q số tiền 150.000.000đ; bà Trần Thị C số tiền 150.000.000đ; ông Nguyễn Đức D số tiền 220.000.000đ; vợ chồng bà Nguyễn Bích N, ông Lê Văn T số tiền 200.000.000đ; bà Dương Thị L số tiền 350.000.000đ; ông Dương Quang S số tiền 170.000.000đ; vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Hà Phước T số tiền 300.000.000đ; bà Đinh Thị T số tiền 70.000.000đ; ông Hồ H số tiền 140.000.000đ; bà Lý Thị T số tiền 200.000.000đ; bà Phạm Thị Hải H số tiền 280.000.000đ; ông Nguyễn Văn N

số tiền 210.000.000đ; ông Nguyễn Sĩ L số tiền 260.000.000đ; ông Trần Quang T số tiền 160.000.000đ; ông Võ Thành V số tiền 130.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 Điện thoại di động hiện SamSung A5 (kèm sim số 0979.191.456; sim số: 0937.805.905); 01 Điện thoại di động màu đen (kèm sim số 0964.125.999);

- Trả lại cho bị cáo gồm 01 chứng minh nhân dân số 251139899, cấp ngày 03-11-2014, tên bị cáo V (bản chính); 01 thẻ ATM do Ngân hàng Techcombank phát hành (số thẻ A221-4986-7179-2431; tên chủ thẻ Nguyễn Văn V); 01 thẻ ATM do Ngân hàng Viettinbank phát hành (số thẻ 5200-3290-0005-0104; tên chủ thẻ Nguyễn Văn V); 01 thẻ ATM do Ngân hàng Agribank phát hành (số thẻ 9704-0507-2900-5608; tên chủ thẻ Nguyễn Văn V; số dư trong tài khoản này 12.968.125đ, có văn bản tạm dừng giao dịch về tài khoản này);

- Lưu hồ sơ vụ án các tài liệu gồm 01 Thẻ nhân viên tên bị cáo, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng, Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng (bản chính); 01 Thẻ sinh viên ghi tên bị cáo mã số sinh viên 10BK260; Trường Đại học Hồng Đức (bản chính); 01 Thẻ chức danh tên bị cáo V Giám đốc lữ hành, Công ty TNHH Đức Việt, số điện thoại 0964.125.999 (bản chính); 01 biên lai vắn tin Tài khoản Ngân hàng Phương Đông (bản chính);

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; Miễn án phí dân sự cho bị cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại bà Trần Thị C, bà Đinh Thị T, ông Trần Quang T vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Vụ GDKT1-TANDTC;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng
- Cơ quan THAHS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo; Bị hại; (*để thi hành*);
- Luật sư;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án; Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Kim Đồng